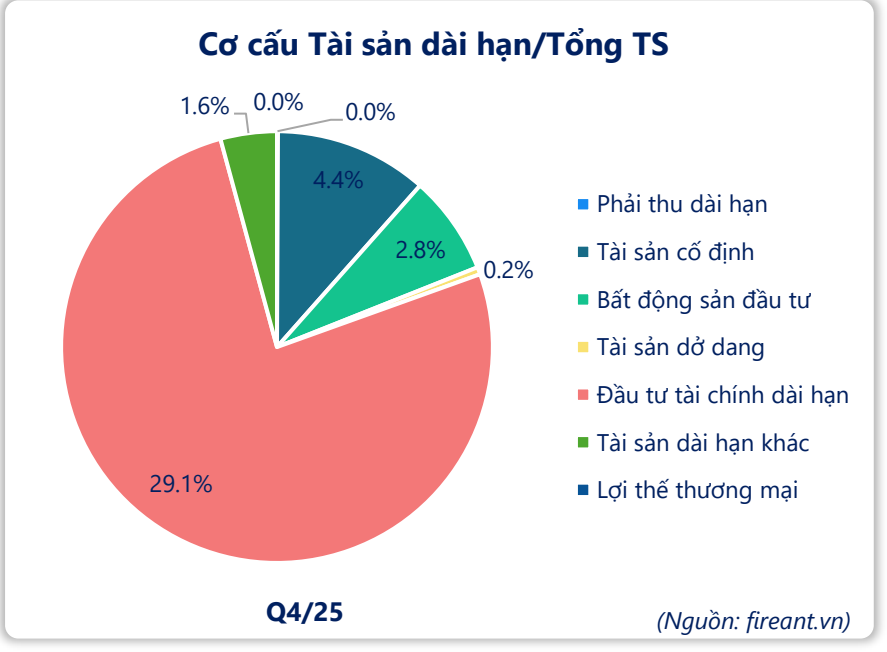
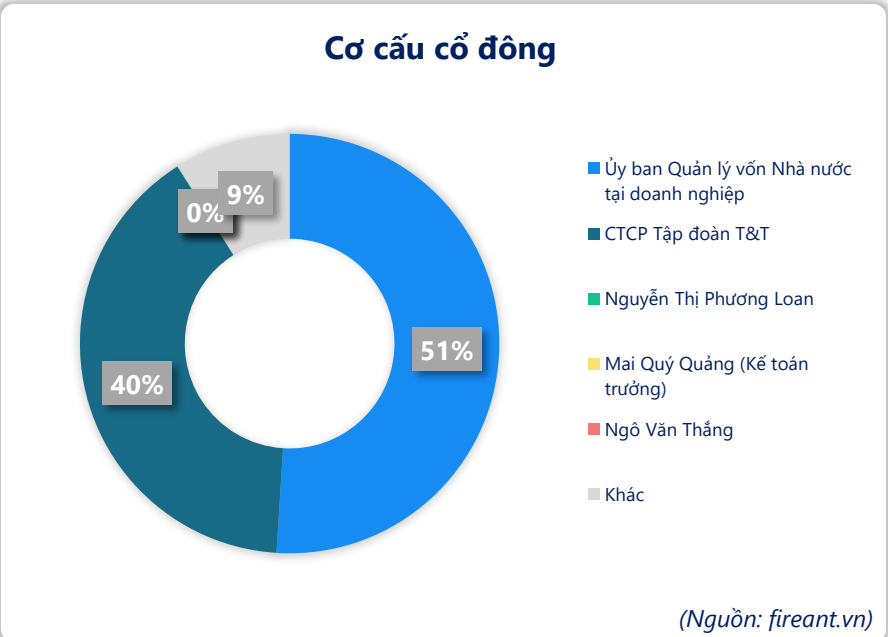
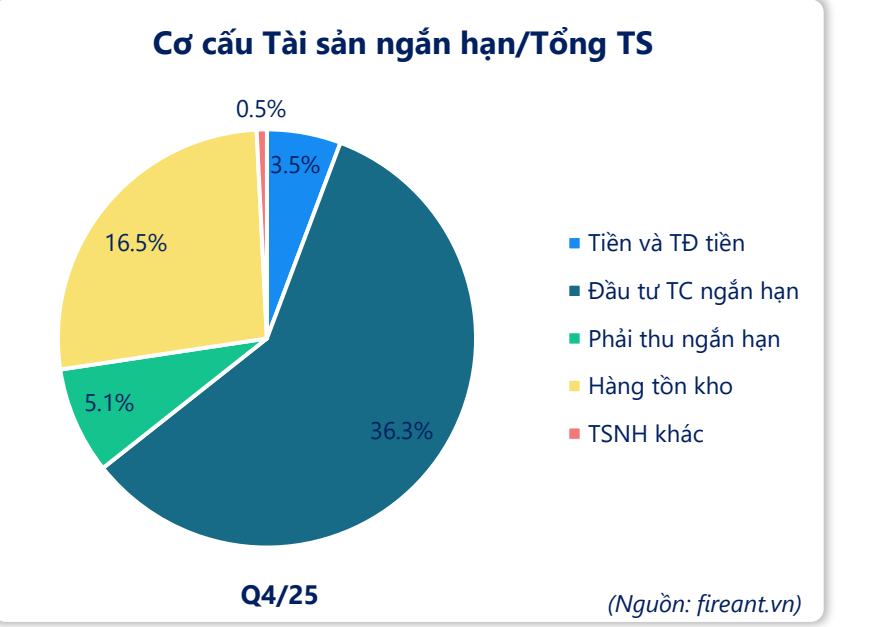
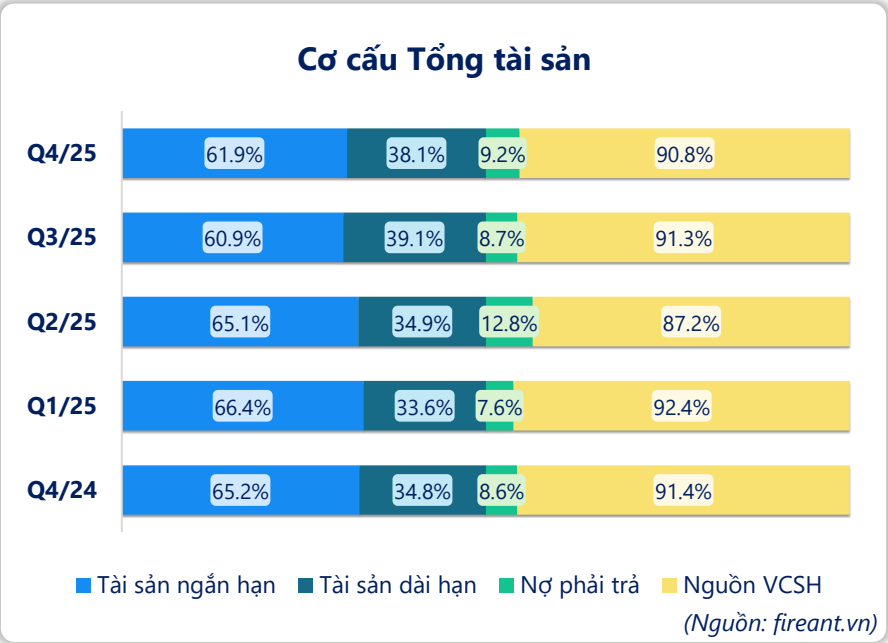
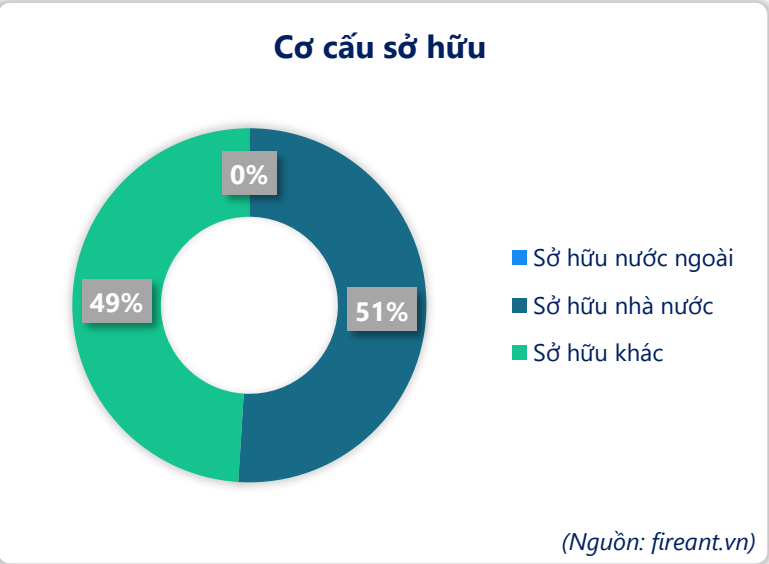
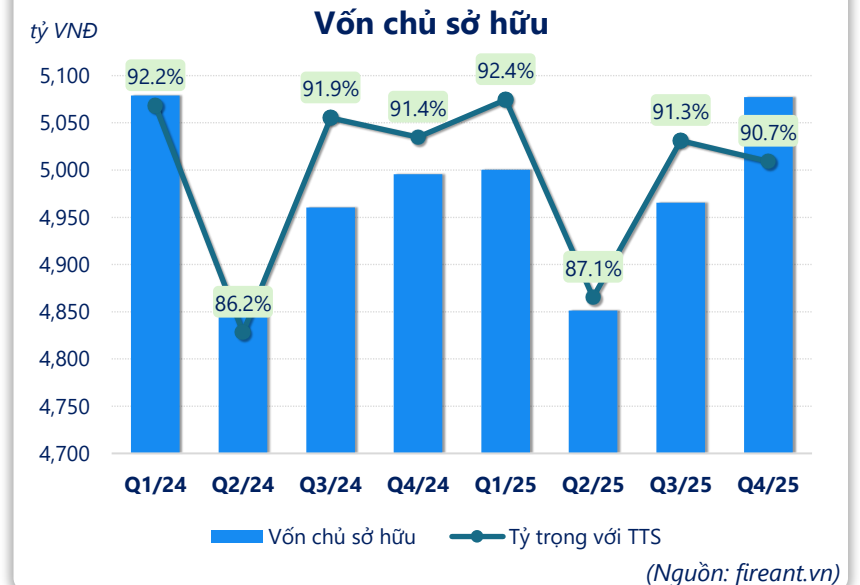
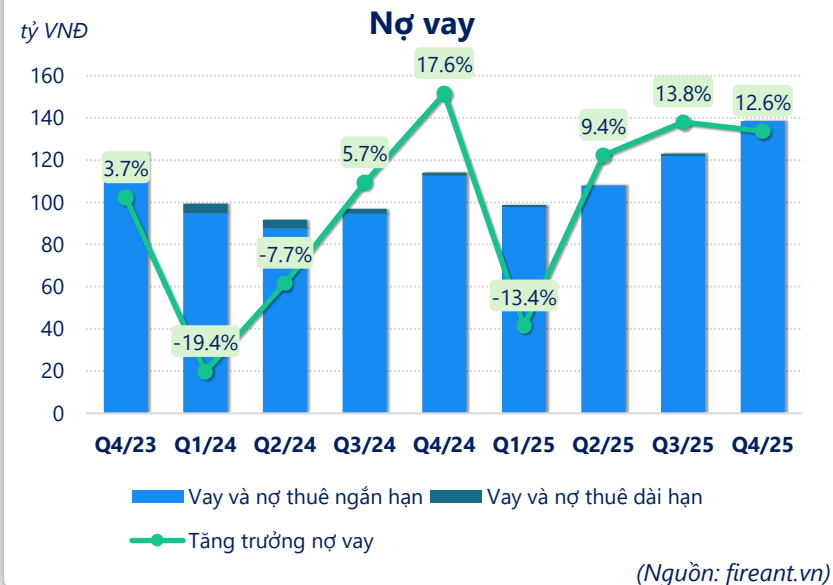
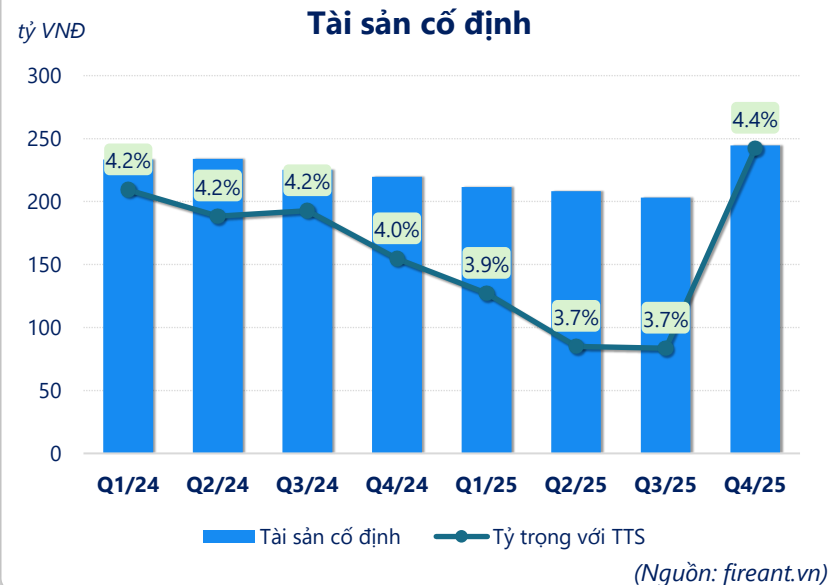
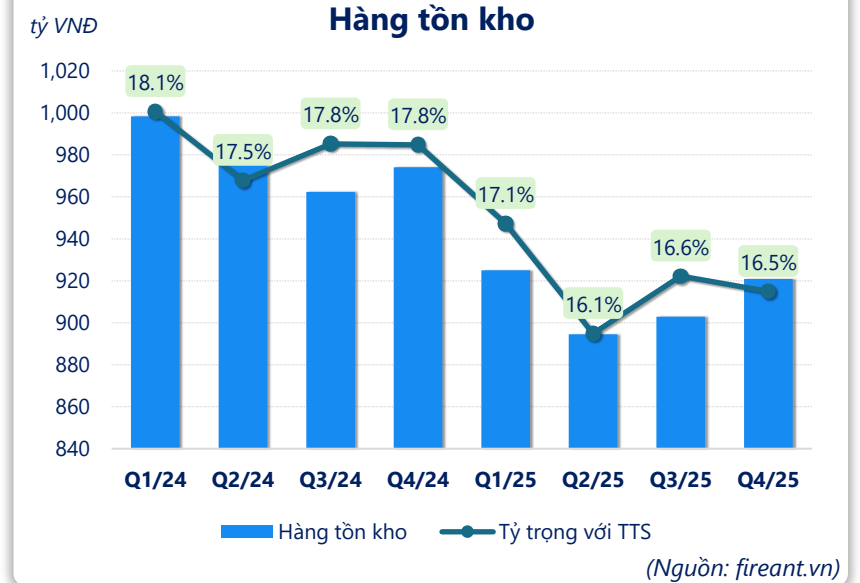
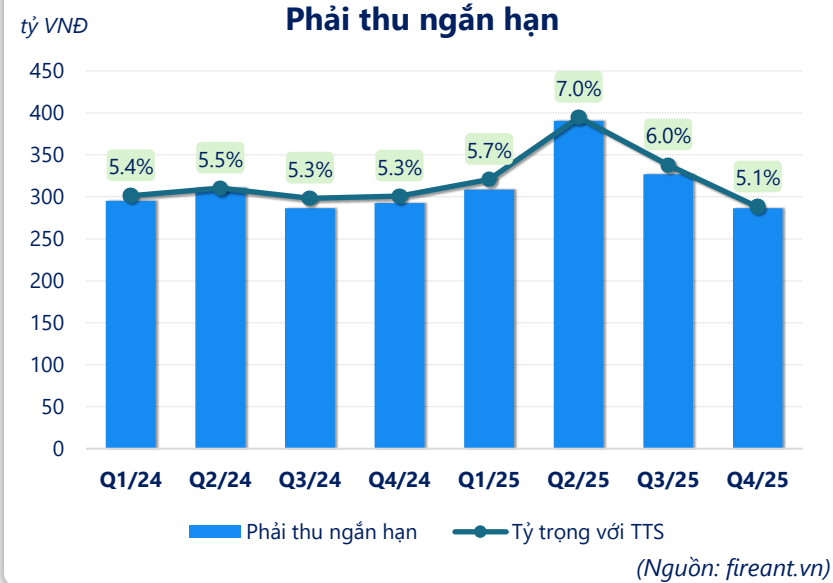
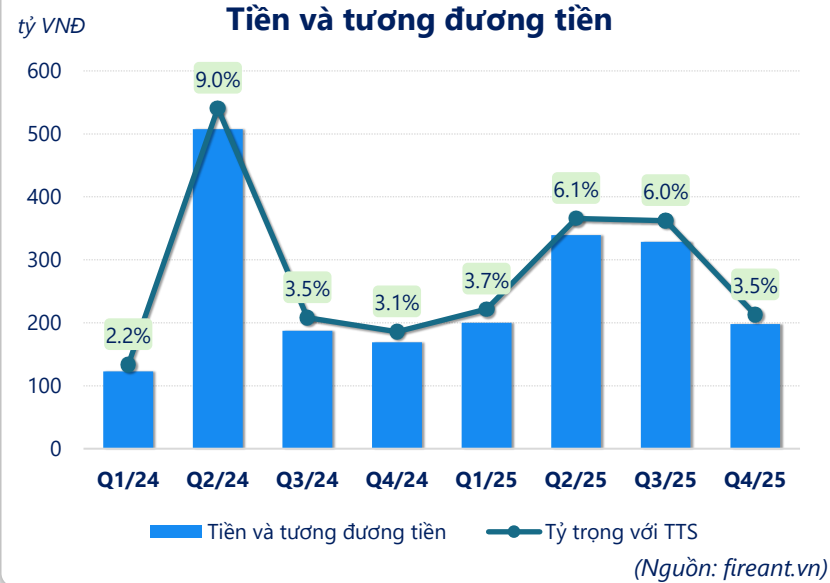
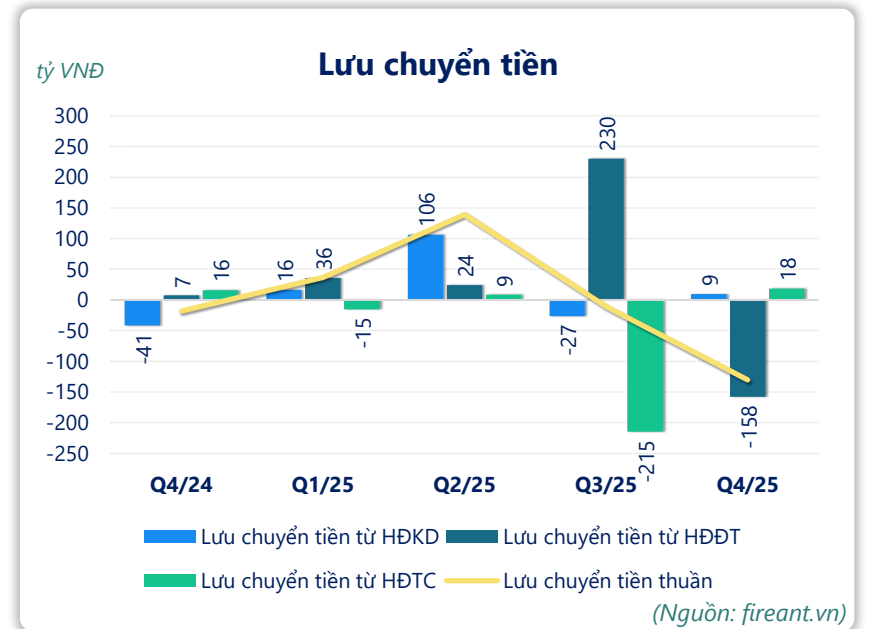
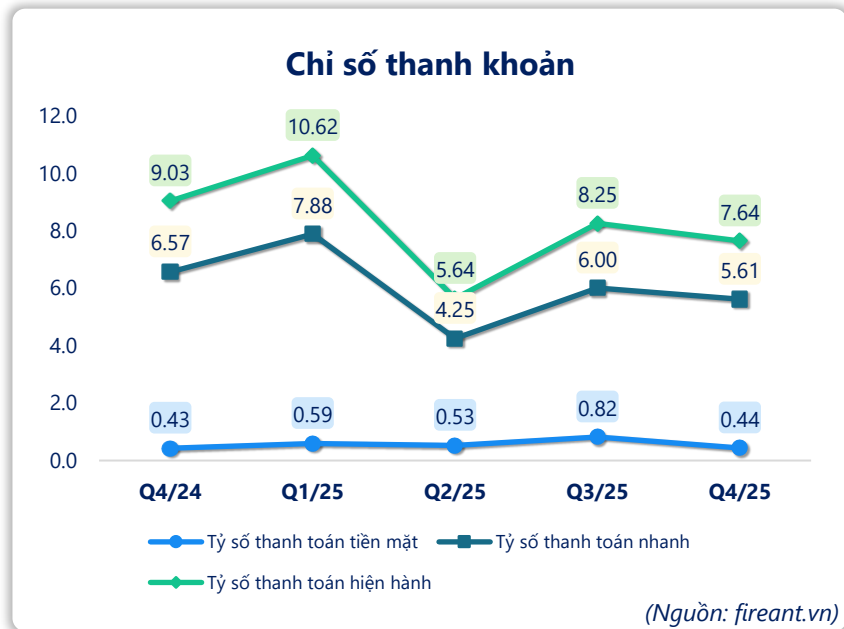
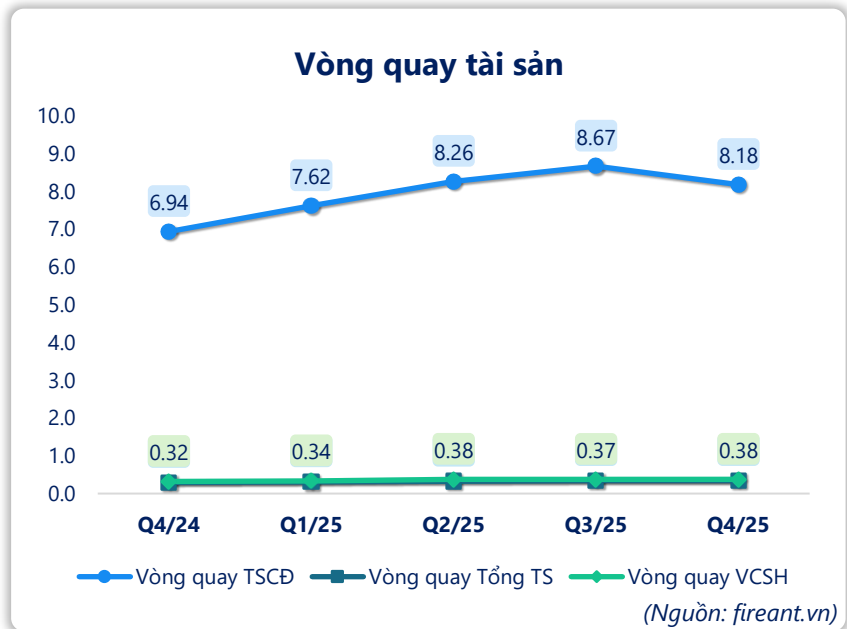
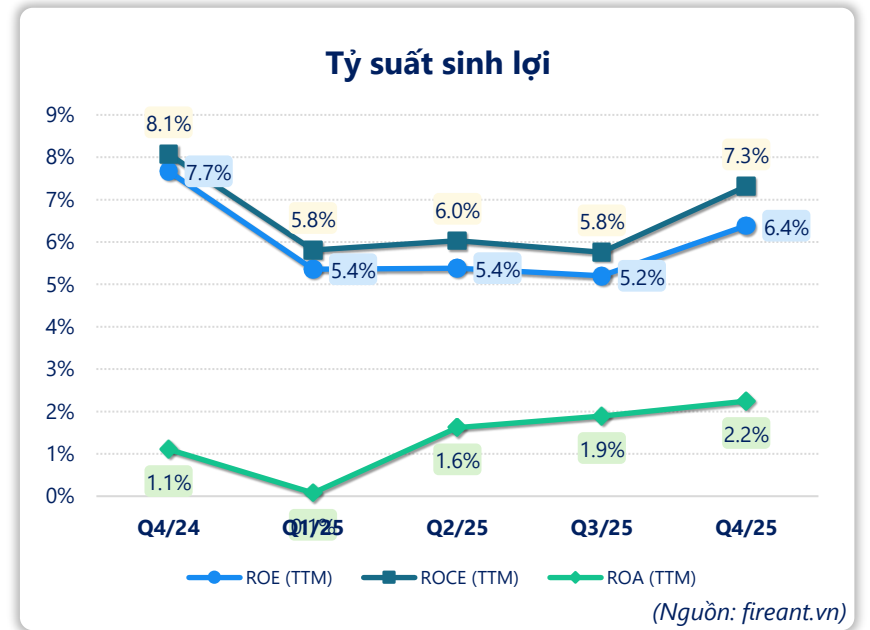
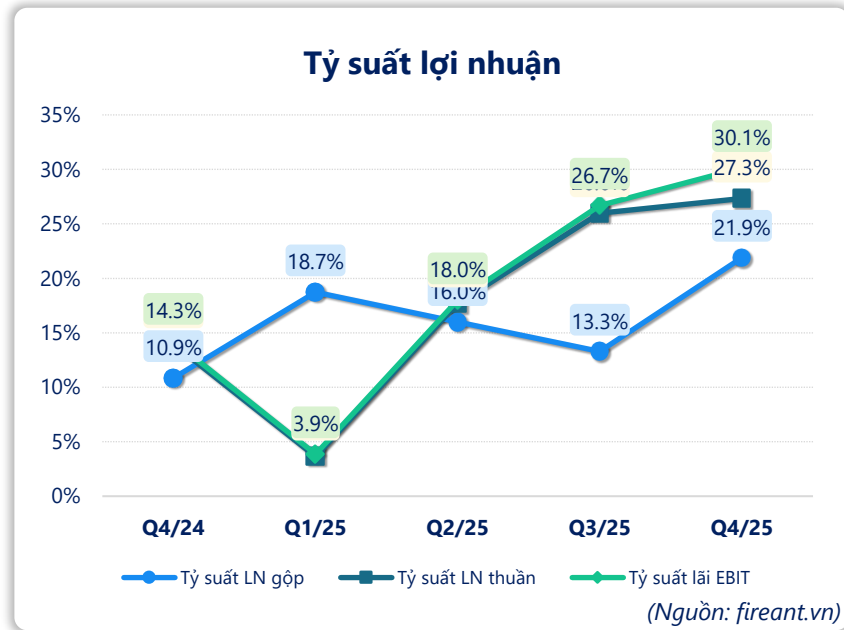
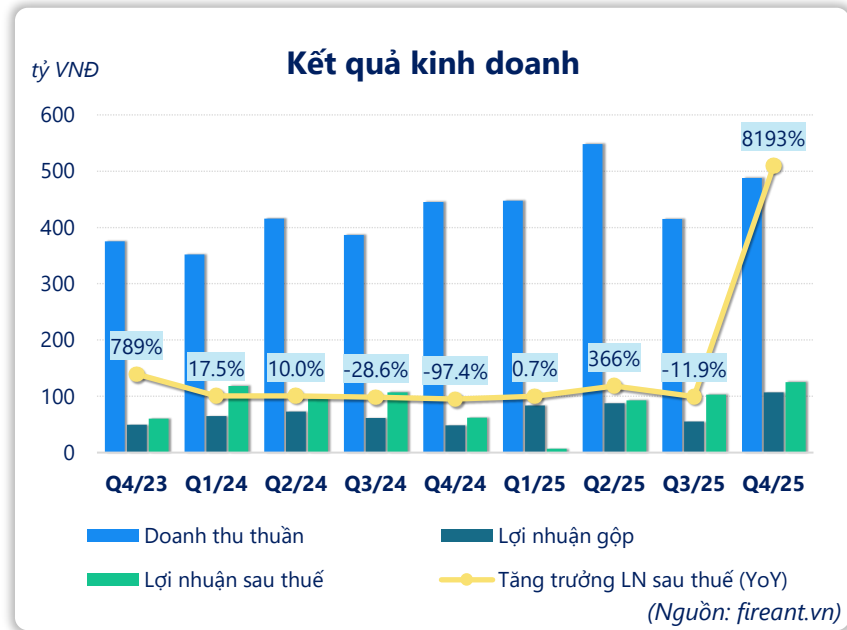


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,741
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,760
SL cổ phiếu LH		350,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,630
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,565
P/E		17.3
EPS		919

	YTD	1T	3T	6T
VIF	-0.1%	-1.2%	0.0%	-4.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,596	5,458	2.5%
Tài sản ngắn hạn	3,463	3,575	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	198	163	21.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,031	2,113	-3.9%
Phải thu ngắn hạn	286	296	-3.4%
Hàng tồn kho	921	981	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	27.3	21.8	25.2%
Tài sản dài hạn	2,133	1,884	13.2%
Phải thu dài hạn	1.58	1.55	1.9%
Tài sản cố định	244	219	11.7%
Bất động sản đầu tư	159	172	-7.9%
Tài sản dở dang	11.6	28.1	-58.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,626	1,403	15.9%
Tài sản dài hạn khác	90.0	59.9	50.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	517	471	9.7%
Nợ ngắn hạn	453	398	13.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	113	22.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	84.5	71.1	18.8%
Nợ dài hạn	63.6	73.0	-12.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.41	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,079	4,987	1.8%
Vốn chủ sở hữu	5,077	4,986	1.8%
Vốn điều lệ	3,500	3,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	1.80	1.68	6.8%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	445	447	548	415	488
Giá vốn hàng bán	397	364	460	360	381
Lợi nhuận gộp	48.3	83.7	87.6	55.1	107
Doanh thu HĐTC	55.3	31.1	32.7	31.8	108
Chi phí TC	1.73	1.62	2.02	1.92	3.23
Chi phí lãi vay	1.49	1.29	1.73	1.55	2.13
LN trong công ty LKLD	58.2	-35.4	62.0	73.5	47.0
Chi phí bán hàng	15.2	11.5	12.6	6.83	15.3
Chi phí QLDN	82.7	50.0	70.7	43.8	110
LN thuần từ HĐKD	62.1	16.3	97.0	108	133
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.32	-0.16	1.34	11.5
LN trước thuế	62.1	16.0	96.9	109	145
Lợi nhuận sau thuế	62.3	6.90	92.6	103	125
LNST của CĐ cty mẹ	60.7	4.23	90.8	102	124

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.3	16.2	106	-26.5	9.42
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.26	35.9	24.4	230	-158
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.0	-15.2	8.57	-215	18.3
Tiền đầu kỳ	187	163	200	339	328
Lưu chuyển tiền thuần	-18.0	36.9	139	-10.9	-130
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.00	0.04	0.03	-0.04
Tiền cuối kỳ	169	200	339	328	198

(Nguồn: fireant.vn)